

Số: 9491 /KH-UBND

Đồng Nai, ngày 10 tháng 8 năm 2021

KẾ HOẠCH

Thực hiện Kế hoạch số 54-KH/TU ngày 31 tháng 5 năm 2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Kết luận số 92-KL/TW ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa XI một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (giai đoạn 2021 - 2025)

Thực hiện Kế hoạch số 54-KH/TU ngày 31 tháng 5 năm 2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Kết luận số 92-KL/TW ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa XI một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Bảo đảm mọi người dân có quyền và được tiếp cận hệ thống an sinh xã hội; cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân, nhất là gia đình người có công, hộ nghèo, hộ cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số và người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Phát triển kinh tế hiệu quả, bền vững, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, gắn với thực hiện chính sách ưu đãi người có công và an sinh xã hội phù hợp với từng thời kỳ, góp phần xây dựng tỉnh Đồng Nai phát triển toàn diện về kinh tế, xã hội.

2. Yêu cầu

a) Quán triệt sâu rộng trong cán bộ, đảng viên và nhân dân các quan điểm, chủ trương của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước về thực hiện chính sách xã hội. Nhà nước bảo đảm thực hiện chính sách ưu đãi người có công và giữ vai trò chủ đạo trong việc tổ chức thực hiện chính sách an sinh xã hội; đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp và người dân tham gia; tạo điều kiện để người dân nâng cao khả năng tự bảo đảm an sinh.

b) Tuyên truyền, giáo dục trong nhân dân nhằm tạo sự thống nhất trong nhận thức đầy đủ về hệ thống an sinh xã hội phải đa dạng, toàn diện, có tính chia sẻ giữa Nhà nước, xã hội và người dân, giữa các nhóm dân cư trong một thể hệ và giữa các thế hệ; đảm bảo tính bền vững, công bằng.

c) Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực và hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội, nghề nghiệp và của nhân dân trong thực hiện chính sách ưu đãi người có công và đảm bảo an sinh xã hội. Xác định đây là nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng của các cấp ủy, chính quyền, của cả hệ thống chính

trị và toàn xã hội. Đặc biệt là đối tượng yếu thế, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn và hộ nghèo nhằm thực hiện hiệu quả chủ trương, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh.

II. THỜI GIAN, PHẠM VI THỰC HIỆN

1. Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2021 - 2025.

2. Phạm vi thực hiện: Trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tiếp tục cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của người có công, đối tượng yếu thế, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân. Đến năm 2025, bảo đảm an sinh xã hội toàn dân, nâng cao phúc lợi xã hội và chất lượng cuộc sống nhân dân, thực hiện đạt các chỉ tiêu cơ bản về giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch và thông tin, truyền thông, góp phần từng bước nâng cao thu nhập, bảo đảm cuộc sống an toàn, bình đẳng và hạnh phúc của nhân dân.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng quy định của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng đối với người có công trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục duy trì 100% xã, phường, thị trấn làm tốt chính sách đối với người có công; 100% hộ chính sách có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của nhân dân địa phương nơi cư trú.

b) Phần đầu đến năm 2025 tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề là 70%; ít nhất 90% người qua đào tạo nghề có việc làm hoặc có năng suất, thu nhập cao hơn sau đào tạo nghề nghiệp.

c) Dự kiến giải quyết việc làm cho 400.000 lao động (bình quân hàng năm giải quyết 80.000 lượt người) và tiếp tục giữ vững tỷ lệ lao động không có việc làm ở khu vực thành thị ở mức 2,4% và tỷ lệ sử dụng thời gian lao động ở nông thôn ở mức 97%.

d) Phần đầu giảm 80% hộ nghèo A trên tổng số hộ nghèo A trong giai đoạn 2021 - 2025.

đ) Nhà ở: Trong giai đoạn 2021 - 2025 phần đầu đáp ứng nhu cầu về nhà ở cho công nhân lao động có nhu cầu về nhà ở là 2.500 căn. Phối hợp hỗ trợ nhà ở cho người có công, hộ nghèo khu vực nông thôn theo các chương trình mục tiêu quốc gia của Chính phủ và xã hội hóa.

e) Về tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội: Phần đầu đạt khoảng 56% lực lượng lao động trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm xã hội, trong đó nông dân và lao động khu vực phi chính thức tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện chiếm khoảng 2,5% lực lượng lao động trong độ tuổi.

g) Về tỷ lệ tham gia bảo hiểm thất nghiệp: Phần đầu đạt khoảng 51% lực lượng lao động trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp.

h) Khoảng 55% số người sau độ tuổi nghỉ hưu được hưởng lương hưu, bảo hiểm xã hội hàng tháng và trợ cấp hưu trí xã hội. Chỉ số đánh giá mức độ hài lòng của người tham gia bảo hiểm xã hội đạt mức 85%.

i) Nâng dần mức trợ cấp xã hội thường xuyên theo khả năng đáp ứng của ngân sách tỉnh.

k) Duy trì bảo đảm mức tối thiểu về dịch vụ xã hội cơ bản cho người dân. Giữ tỷ lệ 100% trẻ em từ 03 đến 05 tuổi vào học mẫu giáo và cơ bản xóa mù chữ cho những người từ 36 tuổi đến hết tuổi lao động.

l) Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 05 tuổi dưới 7,5%; 95% dân số tham gia bảo hiểm y tế.

m) Tỷ lệ sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh đến năm 2025 của dân cư thành thị là 95 - 100%; tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh giai đoạn 2020 - 2025 là 100%, phấn đấu tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch theo QC02 đến cuối năm 2025 đạt trên 85%.

n) Đảm bảo việc triển khai các quy định, chế độ chính sách cho người có công, đối tượng yếu thế và người dân được tuyên truyền đầy đủ trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm tạo điều kiện cho người dân nắm bắt được thông tin đạt 100%, đặc biệt là người nghèo, người dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Các nhiệm vụ chủ yếu

a) Về chính sách người có công

- Quán triệt sâu sắc các quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về công tác người có công với cách mạng. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng, nâng cao nhận thức trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ về sự hy sinh, đóng góp to lớn của các thế hệ người có công với cách mạng. Nội dung, hình thức tuyên truyền phải đa dạng, linh hoạt, phong phú và phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương, đơn vị.

- Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, giải quyết đầy đủ, đúng quy định, kịp thời các chế độ chính sách cho người có công. Đẩy mạnh công tác chăm sóc, đền ơn đáp nghĩa đối với người có công, huy động mọi nguồn lực để hỗ trợ, xây dựng, sửa chữa nhà ở cho đối tượng người có công có khó khăn về nhà ở. Lấy kết quả thực hiện chính sách xã hội là một trong những tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị hàng năm.

- Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác lưu trữ hồ sơ, giải quyết chế độ chính sách cho người có công; ứng dụng phần mềm truy cập, quản lý thông tin mộ liệt sỹ tại các nghĩa trang liệt sỹ trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra xác nhận và thực hiện giải quyết chế độ ưu đãi người có công với cách mạng. Rà soát, ban hành kịp thời các văn bản hướng dẫn, cụ thể hóa các quy định của Trung ương, các quy định của pháp luật liên quan, điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh ban hành và kiến nghị sửa đổi, điều chỉnh các quy định chưa phù hợp.

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nhiệm vụ, ý thức, trách nhiệm của cán bộ làm chính sách có công với cách mạng. Kịp thời khen thưởng, động viên, khích lệ người có công và thân nhân phát huy

truyền thống tốt đẹp, nỗ lực vươn lên, khắc phục khó khăn, tiếp tục đóng góp công sức, trí tuệ vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 24-CT/TW ngày 15 tháng 5 năm 2013 của Bộ chính trị khóa XI về tiếp tục đẩy mạnh công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ đến năm 2020 và những năm tiếp theo. Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ và công tác giám định ADN xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin.

- Tiếp tục trùng tu, tôn tạo các công trình ghi công liệt sĩ hiện có (nghĩa trang liệt sĩ, đền thờ liệt sĩ, bia, đài tưởng niệm liệt sĩ) từ nguồn ngân sách Trung ương và địa phương. Khen thưởng, động viên kịp thời đối với các tổ chức, cá nhân có thành tích tham gia cũng như đóng góp, ủng hộ và hỗ trợ cho công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ.

b) Chính sách bảo trợ xã hội

- Trợ cấp thường xuyên, đột xuất: Tiếp tục hướng dẫn các huyện, thành phố quản lý và chi trả trợ cấp thường xuyên, đột xuất cho các đối tượng bảo trợ xã hội đảm bảo đầy đủ, kịp thời, đúng chính sách, đúng đối tượng theo quy định, góp phần thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Công tác người cao tuổi: Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách người cao tuổi theo quy định; chăm sóc, phát huy vai trò người cao tuổi trong gia đình, cộng đồng, xã hội; người cao tuổi thuộc diện hưởng trợ cấp xã hội được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng; người cao tuổi thuộc hộ gia đình nghèo không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng được nhận nuôi dưỡng chăm sóc tại cộng đồng hoặc nuôi dưỡng trong các cơ sở chăm sóc người cao tuổi.

- Công tác người khuyết tật: Tiếp tục triển khai thực hiện Luật Người khuyết tật, các chính sách trợ giúp cho người khuyết tật dựa vào cộng đồng. Thực hiện tốt công tác trợ giúp xã hội theo Nghị định số 28/2012/NĐ-CP của Chính phủ, Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ. Đảm bảo 100% người khuyết tật đặc biệt nặng và nặng trên địa bàn được hưởng chính sách trợ giúp xã hội theo quy định. Ưu tiên dạy nghề và giải quyết việc làm cho người khuyết tật, giúp người khuyết tật tìm kiếm cơ hội việc làm, tạo thu nhập, trang trải cuộc sống và hỗ trợ gia đình, khẳng định giá trị bản thân trong xã hội.

- Quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội: Tổ chức rà soát, quy hoạch, quản lý tốt các cơ sở trợ giúp xã hội trong và ngoài công lập trên địa bàn tỉnh. Tổ chức kiểm tra, hướng dẫn các trung tâm, cơ sở trợ giúp xã hội trong công tác tiếp nhận, quản lý, chăm sóc, lưu giữ hồ sơ đối tượng bảo trợ xã hội. Hướng dẫn các cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập chưa có quyết định công nhận, sớm hoàn thiện hồ sơ trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định thành lập.

- Công tác với tổ chức phi chính phủ: Tiếp tục phối hợp các đơn vị, tổ chức phi chính phủ tổ chức thực hiện các dự án, kế hoạch hỗ trợ đối tượng bảo trợ xã hội, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, người khuyết tật, trẻ em khuyết tật trên địa bàn tỉnh nhằm cải thiện, nâng cao chất lượng cuộc sống cho các đối tượng.

- Phân đấu giảm 80% hộ nghèo A trong giai đoạn 2021 - 2025: Tiếp tục thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2022 - 2025

với các chương trình, chính sách hỗ trợ cụ thể, thiết thực, hiệu quả. Tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng đối tượng các chế độ chính sách cho hộ nghèo, hộ cận nghèo theo đúng quy định của pháp luật. Giúp các hộ sớm thoát nghèo, thoát cận nghèo bền vững, trở thành những hộ có thu nhập trung bình, để ổn định cuộc sống.

c) Về chính sách trẻ em và bình đẳng giới

- Lĩnh vực bảo vệ, chăm sóc trẻ em: Tiếp tục triển khai thực hiện các kế hoạch, chương trình, dự án về công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em giai đoạn 2021 - 2025, 2021 - 2030. Truyền thông, giáo dục, vận động xã hội nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm, kỹ năng về bảo vệ trẻ em; tuyên truyền Luật trẻ em, Nghị định số 56/2017/NĐ-CP của Chính phủ; Viên chức quảng bá tổng đài quốc gia bảo vệ trẻ em 111... đến cán bộ, công chức, gia đình, trẻ em và nhân dân trên địa bàn tỉnh trong việc thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em.

- Lĩnh vực bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ: Tiếp tục triển khai thực hiện các kế hoạch, chương trình, dự án về công tác bình đẳng giới giai đoạn 2021 - 2025. Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ được giao trong tổ chức thực hiện chiến lược, chương trình quốc gia bình đẳng giới ở các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, huyện. Đẩy mạnh các hoạt động thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm thực hiện bình đẳng giới cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, đặc biệt là vùng sâu, vùng đông đồng bào dân tộc thiểu số, khu nhà trọ, khu có nhiều lao động nhập cư...; đồng thời triển khai các hoạt động thúc đẩy phụ nữ phát triển nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp, chính đáng trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội; xây dựng kế hoạch, chương trình thực hiện chiến lược, chương trình quốc gia bình đẳng giới trên địa bàn tỉnh Đồng Nai hàng năm. Tiếp tục thực hiện tuyên truyền Luật Bình đẳng giới và Nghị định số 55/2009/NĐ-CP của Chính phủ đến từng cán bộ, công chức, viên chức ngành lao động nói riêng và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trên địa bàn nói chung; duy trì và nhân rộng các mô hình như: Phòng ngừa bạo lực trên cơ sở giới; nữ công nhân nhà trọ; câu lạc bộ nữ doanh nhân...

d) Về lao động, việc làm; giáo dục nghề nghiệp

- Định kỳ (ngày 10 và 25 hàng tháng) tổ chức Sàn giao dịch việc làm, dự kiến mỗi năm tổ chức 20 - 22 sàn giao dịch việc làm nhằm thúc đẩy thị trường lao động phát triển, đồng thời sẽ phát triển mở rộng hình thức giao dịch trên mạng Internet để nâng chất lượng dịch vụ.

- Công tác an toàn, vệ sinh lao động: Đảm bảo 100% cán bộ quản lý nhà nước về công tác an toàn - vệ sinh lao động, cán bộ công đoàn các cấp được huấn luyện, đào tạo đáp ứng với yêu cầu thực tế.

- Công tác lao động - tiền lương và bảo hiểm xã hội: Về công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật lao động: Mỗi năm tổ chức trên 25 lớp tuyên truyền, phổ biến pháp luật lao động cho người lao động và người sử dụng lao động loại hình doanh nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả của công tác tuyên truyền. Kịp thời hướng dẫn, giải đáp các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp và người lao động trong quá trình thực hiện các quy định của pháp luật lao động.

- Tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch số 5872/KH-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai Quyết định số 416/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ thực hiện Chỉ thị số 37/CT-TW ngày 03 tháng 9 năm 2019 của Ban bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo nghề đáp ứng nhu cầu đào tạo của các đơn vị giáo dục nghề nghiệp; nâng cao chất lượng, cải tiến nội dung chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ giáo viên, chú trọng đến chất lượng của đội ngũ giáo viên.

đ) Về bảo hiểm xã hội

- Chủ động, tích cực tổ chức quán triệt, phổ biến Luật Bảo hiểm xã hội (sau đây gọi tắt là BHXH), Luật Bảo hiểm y tế (sau đây gọi tắt là BHYT), Luật Việc làm, Luật An toàn, Vệ sinh Lao động và các văn bản liên quan; Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23 tháng 5 năm 2018 Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội, Nghị quyết số 125/NQ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW, Kế hoạch số 235-KH/TU ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW và Kế hoạch thực hiện của UBND tỉnh đến cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động, hội viên, đoàn viên tại cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp và quần chúng nhân dân tại địa phương để thấy rõ vai trò, ý nghĩa tầm quan trọng của BHXH, BHYT, Bảo hiểm thất nghiệp (sau đây gọi tắt là BHTN) trong hệ thống an sinh xã hội; quyền lợi và nghĩa vụ của người dân khi tham gia BHXH, BHYT, BHTN nhằm tạo sự đồng thuận xã hội, các ngành, các cấp, các doanh nghiệp trong việc tổ chức thực hiện chính sách BHXH, BHYT, BHTN.

- Phổ biến sâu rộng các chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với người dân tham gia các loại hình BHXH, BHYT, BHTN, nhất là bảo hiểm xã hội tự nguyện trong khu vực phi chính thức và BHYT hộ gia đình.

- Tuyên truyền phổ biến chính sách, pháp luật về BHXH, BHYT, BHTN phù hợp với đặc điểm, tính chất đặc thù của từng nhóm đối tượng, vùng miền theo Quyết định số 1676/QĐ-TTg ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đổi mới toàn diện nội dung, hình thức và phương pháp tuyên truyền bảo hiểm xã hội”.

- Phối hợp các cơ quan thông tin đại chúng trên địa bàn tỉnh chủ động xây dựng kế hoạch tuyên truyền chủ trương, chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp của Đảng và Nhà nước với nội dung phong phú, hình thức đa dạng phù hợp với tính chất đặc thù của các loại hình báo, đài; xây dựng và thực hiện các chuyên mục an sinh xã hội, tăng cường tin bài, phóng sự phản ánh kết quả thực hiện cải cách chính sách BHXH, BHYT và biểu dương, động viên kịp thời các tập thể, cá nhân thực hiện tốt, đồng thời phê phán những tập thể, cá nhân vi phạm các quy định của pháp luật về BHXH như trốn đóng, nợ đóng BHXH, trục lợi, gian lận BHXH, BHYT, BHTN; phát huy vai trò của cơ quan truyền thông

trong việc tác động đến các đơn vị sử dụng lao động có dấu hiệu vi phạm Luật BHXH để ngăn ngừa hành vi vi phạm.

- Tiếp tục triển khai Đề án “Đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của BHXH Việt Nam theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả” và Nghị định số 89/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của BHXH Việt Nam. Tiếp tục rà soát, sắp xếp, kiện toàn, tinh gọn đầu mối gắn với tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức.

- Tham mưu Ban Chỉ đạo thực hiện chính sách BHXH, BHYT trên địa bàn tỉnh Đồng Nai hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

- Đổi mới phương thức hoạt động của hệ thống bảo hiểm xã hội theo hướng phục vụ chi trả nhanh chóng, kịp thời, đảm bảo quyền lợi người tham gia BHXH, BHYT, BHTN. Thực hiện chế độ tài chính, kế toán, kiểm toán và thông tin báo cáo về BHXH, BHYT, BHTN theo quy định của pháp luật.

- Nâng cao năng lực chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ngành bảo hiểm xã hội để thực hiện có hiệu quả các chế độ, chính sách BHXH, BHYT, BHTN đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ ngày càng tăng; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, từng bước hiện đại hóa hệ thống quản lý BHXH, BHYT, BHTN.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên tất cả lĩnh vực BHXH, BHYT, BHTN, tăng cường sử dụng các dịch vụ Bru chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả thủ tục hành chính. Xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu về BHXH, BHTN. Tiếp tục hiện đại hóa quản lý BHXH, BHYT, BHTN.

e) Về giáo dục

- Tiếp tục thực hiện tốt chủ trương đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; nâng cao chất lượng dạy và học, triển khai hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông mới; chú trọng giáo dục phẩm chất, năng lực sáng tạo, tinh thần yêu nước, tự hào, tự tôn dân tộc; gắn giáo dục tri thức, đạo đức, thẩm mỹ, kỹ năng sống với giáo dục thể chất cho học sinh, sinh viên.

- Phát triển mạng lưới trường lớp, xây dựng trường chuẩn quốc gia, trường học tiên tiến hiện đại; quan tâm đầu tư phát triển hệ thống trường mầm non, mẫu giáo, tiểu học bán trú, nhất là các trường cơ sở giữ trẻ dưới 24 tháng tuổi; khuyến khích xã hội hóa đầu tư cơ sở vật chất đối với hệ thống giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông theo mô hình bán trú; khắc phục tình trạng lớp học ca 3.

- Củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, thực hiện tốt phân luồng học sinh sau tốt nghiệp Trung học cơ sở vào học Trung học phổ thông và học nghề phù hợp quy định.

- Chú trọng nâng cao trình độ và chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, ngăn ngừa và xử lý nghiêm các tiêu cực trong giáo dục và đào tạo.

- Tiếp tục đầu tư cho giáo dục và đào tạo kết hợp với huy động các nguồn lực xã hội, các chương trình dự án hỗ trợ cho giáo dục và đào tạo; bố trí quỹ đất để đầu tư phát triển trường lớp hiện đại. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, quản lý và quản trị nghiệp vụ chuyên môn trong giáo dục và đào tạo. Nghiên cứu có cơ chế đãi ngộ, chăm lo xây dựng đội ngũ giáo viên, nhất là giáo viên mầm non, nhà trẻ, cán bộ quản lý giáo dục. Tăng cường hợp tác quốc tế về giáo dục và đào tạo.

g) Về y tế: Đẩy nhanh tiến độ hiện đại hóa ngành y tế, phát triển y tế chuyên sâu và y tế phổ cập, xây dựng ngành y tế theo hướng công bằng, hiệu quả và phát triển. Nâng cao sức khỏe nhân dân cả về thể chất, tinh thần, tâm vóc, tuổi thọ; năng lực phòng, chống dịch bệnh, chất lượng y tế dự phòng.

h) Về nhà ở tối thiểu: Đẩy nhanh tiến độ thực hiện đề án nhà ở cho công nhân, các dự án nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh; triển khai kịp thời, hiệu quả các chính sách, chương trình mục tiêu quốc gia về nhà ở cho người nghèo, người có công và các đối tượng xã hội. Trong đó nhà ở cho công nhân trong giai đoạn 2021 - 2030 là 6.000 căn; trong đó giai đoạn 2021 - 2025 là 2.500 căn.

i) Về bảo đảm nước sạch

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động các hộ gia đình, người dân trên địa bàn tỉnh sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh. Duy trì và vận hành bền vững công trình cấp nước nông thôn.

k) Về bảo đảm thông tin

Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, nhất là người đứng đầu cơ quan, tổ chức và nhân dân về chính sách xã hội. Thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng thông tin truyền thông về các chủ trương của Đảng, pháp luật của nhà nước về các chương trình, dự án, chính sách hỗ trợ cho người dân, đặc biệt là hộ nghèo, người có công, đối tượng xã hội các vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, miền núi trên địa bàn tỉnh.

2. Giải pháp thực hiện

a) Về việc làm, đào tạo nghề và giảm nghèo

- Tăng cường đổi mới công tác tổ chức sản giao dịch việc làm nhằm thúc đẩy thị trường lao động phát triển, đồng thời phát triển mở rộng hình thức giao dịch trên mạng internet để nâng chất lượng dịch vụ. Tăng cường tập huấn công tác an toàn, vệ sinh lao động. Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 3812/KH-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết số 125/NQ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ và Kế hoạch số 235-KH/TU ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23 tháng 5 năm 2018 Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo công tác thông tin, tuyên truyền nâng cao nhận thức của xã hội về giáo dục nghề nghiệp. Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo Quyết định số 897/QĐ-TTg ngày 26 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục

ngành nghiệp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2045 và Quyết định số 1016/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050. Tăng cường gắn kết giáo dục nghề nghiệp với thị trường lao động và việc làm bền vững; đẩy mạnh tự chủ của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp gắn với trách nhiệm giải trình, cơ chế đánh giá độc lập, sự kiểm soát của nhà nước, giám sát của xã hội. Tiếp tục thực hiện chủ trương xã hội hóa công tác giáo dục nghề nghiệp; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý giáo dục nghề nghiệp.

- Tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy chính quyền các cấp đối với chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững. Huy động đầy đủ nguồn lực để triển khai kịp thời, đồng bộ, hiệu quả các chế độ chính sách cho hộ nghèo, người nghèo, lồng ghép chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và các chương trình mục tiêu quốc gia khác để huy động nguồn lực đầy đủ và hiệu quả. Tiếp tục triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả, kịp thời các chính sách giảm nghèo, nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản cho hộ nghèo, hộ cận nghèo về y tế, giáo dục, nhà ở, điện, nước sinh hoạt và vệ sinh, tiếp cận dịch vụ thông tin, việc làm. Tiếp tục hỗ trợ chính sách cho các hộ mới thoát nghèo nhằm đảm bảo tránh tái nghèo; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các văn bản của Đảng và Nhà nước với nhiều hình thức đa dạng, phong phú nhằm thúc đẩy, khuyến khích ý chí quyết tâm vươn lên thoát nghèo, nhất là hộ đồng bào dân tộc thiểu số. Huy động nguồn lực của cộng đồng, nhân dân cùng góp sức thực hiện công tác giảm nghèo và xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới kiểu mẫu; tăng cường năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp thông qua tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực nghiệp vụ chuyên môn, phổ biến kịp thời những chủ trương, chính sách giảm nghèo mới của Trung ương và địa phương. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát công tác tổ chức triển khai thực hiện các chế độ, chính sách cho hộ nghèo, hộ cận nghèo như: Bảo hiểm y tế, tiền điện, giáo dục, tín dụng ưu đãi, tiền tết, dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo.

b) Về trợ giúp xã hội và người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn

- Tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy chính quyền các cấp đối với công tác bảo trợ xã hội.

- Triển khai thực hiện tốt các văn bản chỉ đạo, lãnh đạo của Trung ương, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, phối hợp chặt chẽ các đơn vị liên quan, chính quyền địa phương trong việc chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện tốt công tác bảo trợ xã hội giai đoạn 2021 - 2025.

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về chế độ chính sách cho các đối tượng bảo trợ xã hội. Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác bảo trợ xã hội tỉnh, huyện, xã. Huy động nguồn lực của các tổ chức phi chính phủ, cộng đồng, cá nhân, mạnh thường quân giúp đỡ, hỗ trợ cho các đối tượng yếu thế trong xã hội. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa trong chăm sóc, nuôi dưỡng các đối tượng bảo trợ xã hội như: Trẻ em, người già, người khuyết tật, tâm thần.

- Thực hiện tốt công tác trợ cấp thường xuyên tại cộng đồng, công tác hỗ trợ đột xuất, đảm bảo người dân bị thiệt hại khi gặp rủi ro, thiên tai được hỗ trợ kịp thời từ ngân sách nhà nước và sự hỗ trợ của cộng đồng. Chú trọng trong công tác giải quyết việc làm, đào tạo nghề, cho vay để đối tượng xã hội phát triển sản xuất, tăng thu nhập. Tập trung huy động nguồn lực để chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho các đối tượng đặc biệt như người khuyết tật, nhiễm chất độc hoá học, người tâm thần, người cao tuổi, trẻ em ở những vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, những địa phương có tỷ lệ hộ nghèo cao.

- Nâng cao chất lượng hoạt động của các Trung tâm Bảo trợ xã hội do nhà nước quản lý. Khuyến khích xã hội hóa trên các lĩnh vực bảo trợ xã hội.

c) Nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội tự nguyện

- Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật, chế độ về BHXH, BHYT, BHTN trên địa bàn; xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về lao động, việc làm, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; tăng cường, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; nâng cao năng lực quản trị và hiệu quả tổ chức thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

- Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong tổ chức thực hiện chính sách xã hội, đặc biệt thủ tục trong khám, chữa bệnh, chi trả cho các đối tượng chính sách nhằm giảm phiền hà cho người dân, gắn với tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và thực hiện cơ chế quản lý theo ISO.

d) Bảo đảm một số dịch vụ xã hội cơ bản cho người dân

- Về giáo dục - đào tạo:

+ Tiếp tục quán triệt và tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về giáo dục và đào tạo.

+ Tăng cường cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng các hoạt động giáo dục và đào tạo; tiếp tục triển khai thực hiện sắp xếp lại trường, lớp phù hợp với thực tế, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động.

+ Triển khai hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông mới; thực hiện Bộ Quy tắc ứng xử trong trường học; tăng cường bảo đảm an ninh, an toàn trường học; tổ chức hiệu quả các hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm sáng tạo, khởi nghiệp.

+ Tập trung phát triển nguồn nhân lực; phân luồng hợp lý học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông.

+ Đổi mới phương pháp thi, kiểm tra và đánh giá chất lượng giáo dục.

+ Tiếp tục nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ.

+ Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học và các thiết bị phòng học trực tuyến.

- Nâng cao hiệu quả chăm sóc sức khỏe nhân dân

+ Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XII) về tăng cường công tác bảo vệ chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới.

+ Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp chính quyền, các đoàn thể chính trị - xã hội trong bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. Phát huy vai trò giám sát của nhân dân, tạo các điều kiện thuận lợi để huy động các tổ chức xã hội tham gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân theo quy định của pháp luật.

+ Tập trung xây dựng, triển khai thực hiện đồng bộ các đề án, chương trình về nâng cao sức khỏe và tầm vóc người dân trong tỉnh. Thực hiện tốt kế hoạch hành động thực hiện chiến lược quốc gia về dinh dưỡng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2013 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

+ Nâng cao năng lực phòng, chống dịch bệnh gắn với đổi mới y tế cơ sở. Hoàn chỉnh hệ thống tổ chức ngăn ngừa và giảm thiểu những tác động của bệnh dịch nguy hiểm; phát hiện sớm dịch bệnh; minh bạch thông tin và chia sẻ với các tỉnh trong khu vực nhằm đáp ứng có hiệu quả với các dịch bệnh trên người và động vật. Triển khai thực hiện các mục tiêu quốc gia về y tế, chú trọng công tác chăm sóc sức khỏe tâm thần, phòng chống lao, HIV/AIDS, các bệnh xã hội, bệnh nhiễm trùng, bệnh phát sinh do quá trình phát triển công nghiệp. Tăng cường chất lượng dân số, chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, hạn chế tình trạng tử vong liên quan đến bà mẹ và trẻ em. Thực hiện có hiệu quả công tác y tế dự phòng, đầu tư nhân lực, trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ cho công tác khám chữa bệnh ban đầu, ưu tiên nơi có tỷ lệ hộ nghèo cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Thực hiện tốt chính sách khám chữa bệnh cho đối tượng chính sách, người nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em và các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn.

+ Nâng cao chất lượng cơ sở vật chất; đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ; đầu tư trang thiết bị hiện đại cho tuyến dưới nhằm hạn chế tình trạng quá tải tại các bệnh viện tuyến tỉnh. Quản lý và nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế ở tuyến cơ sở, chú trọng quan tâm đến công tác cải cách thủ tục hành chính trong việc tổ chức khám, chữa bệnh để tạo điều kiện cho người dân hưởng thụ các dịch vụ y tế ngày càng tốt hơn.

+ Củng cố, hoàn thiện và phát triển hệ thống y tế; đồng thời nâng cao trình độ, chất lượng cho đội ngũ cán bộ y tế nhằm đáp ứng tốt hơn công tác khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân.

- Phát triển nhà ở cho người lao động, người có thu nhập thấp, học sinh, sinh viên và công chức, viên chức:

+ Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tham gia thực hiện các dự án phát triển nhà ở xã hội, xây dựng nhà lưu trú công nhân, nhà ở thu nhập thấp tại các khu công nghiệp, đô thị.

+ Quy hoạch, bố trí quỹ đất dành để xây dựng nhà ở xã hội giai đoạn 2021 - 2030 là 639 ha; trong đó giai đoạn 2021 - 2025 là 291 ha, dự kiến nguồn vốn giai đoạn 2021 - 2025 là 2.539 tỷ đồng.

+ Đối với đối tượng người có công với cách mạng và người nghèo: Thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở cho người có công cách mạng và hộ nghèo khu vực nông thôn theo các chương trình mục tiêu quốc gia của Chính phủ; kết hợp linh hoạt giữa các chính sách hỗ trợ của Nhà nước đã ban hành và sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội, các doanh nghiệp, cá nhân thông qua các hình thức như hỗ trợ kinh phí, vật liệu, nhân công trong xây dựng nhà ở hoặc tặng nhà ở đại đoàn kết.

+ Đối với các hộ đặc biệt khó khăn: Thực hiện theo nguyên tắc huy động nguồn lực cộng đồng, các tổ chức kinh tế - xã hội xây dựng nhà tình nghĩa, tình thương để hỗ trợ chỗ ở phù hợp.

- Về bảo đảm nước sạch:

+ Duy trì số dân nông thôn đã được sử dụng nước sạch trong sinh hoạt từ các nguồn (đầu nổi nước đô thị, thiết bị lọc nước hộ gia đình).

+ Đầu tư lắp đặt bổ sung hoặc thay thế thiết bị xử lý nước của các công trình cấp nước tập trung đạt theo QC01 hoặc quy chuẩn của từng địa phương được ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

+ Hỗ trợ lắp đặt thiết bị lọc nước cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo, gia đình chính sách, hộ đồng bào dân tộc.

+ Vận động người dân lắp đặt thiết bị lọc nước nhỏ lẻ hộ gia đình.

3. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng trong việc thực hiện chính sách xã hội

a) Các cấp ủy đảng, các ban cán sự đảng, đảng đoàn, các đoàn thể chính trị - xã hội tổ chức quán triệt, triển khai nghiêm túc các nội dung Kết luận số 92-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa XI một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020 và Kế hoạch số 54-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Kết luận số 92-KL/TW ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Bộ Chính trị. Đồng thời tiếp tục tuyên truyền, quán triệt sâu sắc và tập trung thực hiện quyết liệt các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết số 15-NQ/TW và các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, của tỉnh về chính sách xã hội. Xác định rõ chính sách xã hội chăm lo cho người dân là nhiệm vụ chiến lược, là trách nhiệm thường xuyên phải thực hiện; đặt con người vào trung tâm chính sách; phát triển kinh tế phải gắn liền với phát triển, bảo đảm tiến độ và công bằng xã hội; phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp, đoàn kết, "Tương thân, tương ái" của dân tộc ta.

b) Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch thực hiện chính sách xã hội phù hợp với tình hình của đơn vị, có trọng tâm, trọng điểm, xác định việc thực hiện chính sách xã hội là nhiệm vụ thường xuyên và lâu dài của từng cấp ủy đảng, chính quyền, địa phương, đoàn thể và của cả hệ thống chính trị được xây dựng trong hệ thống chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế xã hội hàng năm của đơn vị, địa phương cũng là chỉ tiêu quan trọng để đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ hàng năm.

c) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện các chủ trương, chính sách đối với người có công và đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh.

4. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý của nhà nước trong thực hiện chính sách xã hội

- a) Tăng cường công tác tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về các chính sách xã hội đến với mọi người dân, hình thức và nội dung tuyên truyền phù hợp với từng đối tượng và từng địa phương.
- b) Ban hành kịp thời các văn bản hướng dẫn, cụ thể hóa các quy định của Trung ương, rà soát kịp thời các quy định pháp luật liên quan, điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh; đồng thời kiến nghị, sửa đổi, điều chỉnh các quy định chưa phù hợp liên quan đến thực hiện chính sách xã hội.
- c) Xây dựng và triển khai thực hiện hiệu quả đồng bộ các chương trình, đề án, dự án phát triển kinh tế - xã hội gắn với thực hiện chính sách xã hội. Các địa phương chịu trách nhiệm quản lý nguồn lực và tổ chức thực hiện, trong đó quan tâm nâng cao năng lực thực thi chính sách của cấp cơ sở. Tiếp tục nghiên cứu phát hiện kiến nghị hoặc điều chỉnh, bổ sung kịp thời các quy định liên quan về chính sách ưu đãi người có công và đảm bảo an sinh xã hội thống nhất và đồng bộ, đơn giản và hiệu quả, phù hợp với thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh và hội nhập quốc tế. Nghiên cứu các biện pháp, giải pháp vừa hỗ trợ, vừa khuyến khích nỗ lực vươn lên của các đối tượng thụ hưởng, khắc phục sự ỷ lại vào Nhà nước.
- d) Tăng cường quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng các loại quỹ (giảm nghèo, việc làm, đào tạo nghề...), kết hợp với các loại quỹ của các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội để nâng cao mức hỗ trợ cho các đối tượng.
- đ) Tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện chính sách người có công, đảm bảo an sinh xã hội; chú trọng công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật lao động, đào tạo nghề, chính sách về giáo dục đào tạo, y tế, thông tin, dịch vụ vệ sinh môi trường, nước sạch và nhà ở nhằm đảm bảo hiệu quả trong thực hiện nhiệm vụ. Thanh tra, giám sát các công trình, dự án đầu tư sử dụng ngân sách nhà nước, đảm bảo đúng mục đích, hiệu quả. Xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật trong quản lý, sử dụng vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước và có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước để thực hiện cho công tác đảm bảo an sinh xã hội.
- e) Tăng cường công tác đào tạo, công tác nghiên cứu khoa học và có chính sách phù hợp để nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ chuyên môn và cán bộ quản lý ở đơn vị, địa phương trong thực hiện chính sách xã hội.
- g) Hàng năm, tổ chức đánh giá kết quả thực hiện chính sách an sinh xã hội theo kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh và báo cáo Tỉnh ủy theo quy định.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức quán triệt và tổ chức triển khai thực hiện Kết luận số 92-KL/TW ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Bộ Chính trị và Kế hoạch số 54-KH/TU ngày 31 tháng 5 năm 2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy triển khai thực hiện Kết luận số 92-KL/TW ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung

ương 5 khóa XI một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020 trong toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân.

2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính căn cứ tình hình ngân sách của tỉnh cân đối đảm bảo kinh phí thực hiện Kế hoạch.

3. Các Sở, ngành: Lao động - Thương binh và Xã hội, Giáo dục Đào tạo, Thông tin và Truyền thông, Y tế, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bảo hiểm Xã hội tỉnh căn cứ chức năng nhiệm vụ của ngành, xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện. Định kỳ 06 tháng (trước ngày 30/6), hàng năm (trước ngày 31/12) báo cáo kết quả việc triển khai thực hiện Kế hoạch về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp).

4. Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Là cơ quan thường trực triển khai thực hiện Kế hoạch; phối hợp các sở, ban, ngành, địa phương, UBMTTQVN tỉnh và các đoàn thể triển khai thực hiện hiệu quả chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh.

b) Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện và kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh các chương trình, kế hoạch, giải pháp cụ thể phù hợp với yêu cầu thực tế để thực hiện hiệu quả Kế hoạch đã đề ra; tham mưu tổ chức công tác sơ kết, tổng kết đánh giá việc triển khai thực hiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức tổng kết thực hiện kế hoạch vào năm 2025.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đoàn thể các cấp

a) Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ tham gia tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch, lồng ghép các nội dung của Kế hoạch với các chương trình, đề án liên quan;

b) Phối hợp các ngành chức năng đẩy mạnh công tác tuyên truyền trong đoàn viên, hội viên về chính sách xã hội của Nhà nước, của tỉnh và các nội dung của Kế hoạch; phối hợp tham gia giám sát, kiểm tra việc thực hiện chính sách an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh.

c) Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia thực hiện chính sách xã hội, huy động nguồn lực trong từng đoàn viên, hội viên và cộng đồng xã hội chăm lo cho đời sống của người có công, hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, người cao tuổi, người khuyết tật, người bị nhiễm chất độc hoá học, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trên cơ sở đó phản ánh những vấn đề khó khăn, vướng mắc tại địa phương.

d) Tiếp tục phát huy truyền thống tương thân tương ái, đẩy mạnh phong trào “Đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn” để chăm lo cho người có công. Phối hợp chính quyền các cấp tổ chức thực hiện đồng bộ chính sách xã hội.

6. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch số 54-KH/TU ngày 31 tháng 5 năm 2021 của ban Thường vụ Tỉnh ủy triển khai thực hiện Kết luận số 92-KL/TW ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị

quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa XI một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020 và Kế hoạch này.

b) Định kỳ 06 tháng (trước 30/6), hàng năm (trước ngày 31/12) báo cáo kết quả việc triển khai thực hiện Kế hoạch gửi Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp).

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Kế hoạch số 54-KH/TU ngày 31 tháng 5 năm 2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Kết luận số 92-KL/TW ngày 05/11/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa XI một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (giai đoạn 2021 - 2025). Yêu cầu các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, địa phương triển khai thực hiện Kế hoạch đạt hiệu quả. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc; các đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo, tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp) để xem xét chỉ đạo, giải quyết./. 

Nơi nhận:

- Bộ LĐTBXH;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- TT. UBMTTQVN tỉnh và các đoàn thể;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Các đơn vị tại Mục V;
- Chánh, các PCVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THNC, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Văn Phi